

BCH ĐOÀN TỈNH KIÊN GIANG

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Rạch Giá, ngày 30 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO

Chỉ tiêu trích nộp Đoàn phí 6 tháng đầu năm 2022

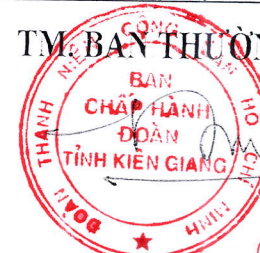
TT	ĐƠN VỊ	TS ĐOÀN VIÊN	TS ĐOÀN VIÊN HƯỞNG LƯƠNG	SỐ TIỀN ĐP THU 01 THÁNG	NỘP 1/3 LÊN ĐOÀN CƠ SỞ	NỘP 1/3 LÊN HUYỆN ĐOÀN	NỘP 1/3 LÊN TỈNH ĐOÀN		NỢ	TỔNG CỘNG
							01 tháng	06 tháng đầu năm		
1	An Biên	3,596	293	8,071,000	2,690,333	896,778	298,926	1,793,556		1,793,556
2	Kiên Hải	1,023	171	2,559,000	853,000	284,333	94,778	568,667		568,667
3	Châu Thành	3,078	678	8,190,000	2,730,000	910,000	303,333	1,820,000		1,820,000
4	Hòn Đất	4,128	427	9,537,000	3,179,000	1,059,667	353,222	2,119,333		2,119,333
5	An Minh	3,105	143	6,639,000	2,213,000	737,667	245,889	1,475,333		1,475,333
6	Hà Tiên	1,745	238	4,204,000	1,401,333	467,111	155,704	934,222		934,222
7	Giang Thành	1,620	105	3,555,000	1,185,000	395,000	131,667	790,000		790,000
8	Vĩnh Thuận	4,007	151	8,467,000	2,822,333	940,778	313,593	1,881,556		1,881,556
9	Gò Quao	3,786	283	8,421,000	2,807,000	935,667	311,889	1,871,333		1,871,333
10	Giồng Riềng	7,075	1,229	17,837,000	5,945,667	1,981,889	660,630	3,963,778		3,963,778
11	U Minh Thượng	2,237	384	5,626,000	1,875,333	625,111	208,370	1,250,222		1,250,222
12	Rạch Giá	8,613	493	18,705,000	6,235,000	2,078,333	692,778	4,156,667		4,156,667
13	Tân Hiệp	3,278	712	8,692,000	2,897,333	965,778	321,926	1,931,556		1,931,556
14	Phước Quốc	5,141	623	12,151,000	4,050,333	1,350,111	450,037	2,700,222		2,700,222
15	Kiên Lương	2,258	304	5,428,000	1,809,333	603,111	201,037	1,206,222		1,206,222
16	CQ-DN tỉnh	3,069	2,269	12,945,000	4,315,000	1,438,333	479,444	2,876,667		2,876,667
17	Quản sự	977	40	2,074,000	691,333	230,444	76,815	460,889		460,889
18	Biên phòng	683	242	2,092,000	697,333	232,444	77,481	464,889		464,889
19	Công an	792	279	2,421,000	807,000	269,000	89,667	538,000		538,000
20	CD Nghệ	1,443	17	2,937,000	979,000	326,333	108,778	652,667		652,667
21	CDKG	1,533	13	3,105,000	1,035,000	345,000	115,000	690,000		690,000
22	CD Y tế	744	18	1,542,000	514,000	171,333	57,111	342,667		342,667
23	ĐH Kiên Giang	3,954	117	8,259,000	2,753,000	917,667	305,889	1,835,333		1,835,333
24	CD Sư phạm	272	10	574,000	191,333	63,778	21,259	127,556		127,556
	TỔNG	68,157	9,239	164,031,000	54,677,000	18,225,667	6,075,222	36,451,333	0	36,451,333

NGƯỜI LẬP BẢNG

[Signature]

Trần Thị Đức

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN



BÍ THƯ

[Signature]

Phạm Đình Nhân